

Số: **45** /2016/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **06** tháng **10** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên bộ Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2491/STC-GCS ngày 11/8/2016, kèm Báo cáo thẩm định số 351/BC-STP ngày 31/5/2016 của Sở Tư pháp; sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 330/HĐND ngày 20/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (gọi tắt là Nghị định số 51/2014/NĐ-CP).

2. Quyết định này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 51/2014/NĐ-CP, gồm:

a) Giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí;

b) Giao khu vực biển để khai thác thủy sản, cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

c) Giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định số 51/2014/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 3.000.000 đồng/ha/năm;

2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 5.000.000 đồng/ha/năm;

3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển 6.000.000 đồng/ha/năm;

4. Nhóm 4:

a) Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác):

- Đối với vùng biển khu vực thị xã Kỳ Anh (gồm khu vực Cảng Vũng Áng-Sơn Dương): Mức thu 7.000.000 đồng/ha/năm;

- Đối với các vùng biển còn lại: Mức thu 6.000.000 đồng/ha/năm.

b) Sử dụng khu vực biển để phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch:

- Đối với vùng biển có các khu du lịch biển như Thiên Cẩm (huyện Cẩm Xuyên), Xuân Hải (huyện Lộc Hà), Xuân Thành (huyện Nghi Xuân): Mức thu 7.000.000 đồng/ha/năm;

- Đối với các vùng biển còn lại: Mức thu 6.000.000 đồng/ha/năm.

c) Sử dụng khu vực biển để thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy, trực vớt hiện vật, khảo cổ: Mức thu 6.000.000 đồng/ha/năm.

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm.

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 4.000.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Chế độ quản lý, sử dụng tiền sử dụng khu vực biển và kinh phí cho nhiệm vụ giao khu vực biển

1. Tiền sử dụng khu vực biển là một khoản thu của ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Tiền sử dụng khu vực biển được nộp ngân sách trung ương đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của Trung ương, được nộp ngân sách tỉnh đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

2. Kinh phí chi cho nhiệm vụ giao khu vực biển do ngân sách nhà nước đảm bảo căn cứ trên số tiền sử dụng khu vực biển thực nộp ngân sách nhà nước năm trước và khả năng cân đối ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm giao cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ giao khu vực biển để chi cho các nội dung sau:

a) Chi khảo sát lập báo cáo tình hình khu vực biển, kiểm tra thực địa, đo đạc, xác định vị trí tọa độ, diện tích khu vực biển được giao; bàn giao thực địa cho tổ chức, cá nhân, bao gồm cả tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành), tiền công tác phí (chi phí đi lại, tiền thuê chỗ ở, tiền lưu trú), thuê phương tiện, bồi dưỡng làm thêm giờ.

b) Chi hội nghị, hội thảo, họp Hội đồng xác định tiền sử dụng khu vực biển (nếu có), họp kỹ thuật để xác định tiền sử dụng khu vực biển.

c) Chi phí mua sắm, sửa chữa thiết bị, phương tiện liên quan trực tiếp đến việc giao khu vực biển; vật tư văn phòng phẩm; thông tin liên lạc.

d) Chi phí kiểm tra liên quan đến việc xác định tiền sử dụng khu vực biển.

đ) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc tổ chức xác định tiền sử dụng khu vực biển.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xác định địa điểm, tọa độ, ranh giới, diện tích khu vực biển; phân nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển để

tính tiền sử dụng khu vực biển phải nộp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND tỉnh; trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển.

3. Giao Cục Thuế tỉnh căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển theo thẩm quyền và quy định.

4. Giao Kho bạc Nhà nước tỉnh thu đủ số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển của cơ quan thuế.

5. Quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã ven biển kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để hướng dẫn, giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tài chính chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN và MT, NN và PTNT;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS, Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Phó VP/UB;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NL₂.

Gửi: + VB giấy: TP không nhận VB ĐT;
+ Điện tử: Các thành phần khác.

Ưng Hoàng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh